

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2023

V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Nguyễn Văn Trãi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu vực N, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Huỳnh Thu N**, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. (Hợp đồng ủy quyền ngày 31/3/2023)

Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị Ng**. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

- Bà **Lê Thị Hồng Ng1**, sinh năm 1961. (xin vắng mặt)

- Bà **Huỳnh Thị C**. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1967. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (có đại diện là bà Huỳnh Thu N) trình bày:**

Bà L và bà Nguyễn Thị Ng là chỗ quen biết, vào năm 2020 bà Ng có tham gia 01 chân hụi do bà L làm chủ hụi: Hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 28/8/2020 (Âm lịch), gồm có 18 hụi viên, bà Ng đóng hụi sống được 08 lần thì hốt hụi được số tiền là 42.500.000 đồng, bà L giao đủ tiền hụi cho bà Ng và có viết biên nhận nhận đủ số tiền này.

Khi bà Ng hốt hụi xong thì bà Ng còn phải đóng hụi chết cho bà L là 24.000.000 đồng nhưng bà Ng chỉ đóng được số tiền là 5.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay (hụi mãn tháng 3/2022).

Đã nhiều lần bà L yêu cầu bà Ng trả số tiền nợ hụi nhưng bà Ng cố tình tránh mặt kéo dài cho đến nay. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Ng trả số tiền hụi là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

*** Người làm chứng bà Lê Thị Hồng Ng1, bà Huỳnh Thị C và bà Nguyễn Thị A cùng thống nhất trình bày:**

Bà Ng1, bà C và bà A có chơi hụi do bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi, đây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai vào ngày 28/08/2020, gồm có 18 phần, trong đó bà Ng1 01 phần (giấy hụi ghi tên Bé Ba), bà C 01 phần, bà Nguyễn Thị A 01 phần, bà Nguyễn Thị Ng 01 phần ... còn một số người khác không nhớ hết. Bà Ng đã hốt hụi rồi, bà có biết bà Ng không đóng hụi chết lại cho bà L nên bà L kiện bà Ng đòi lại số tiền nợ hụi. Hụi đã mãn vào tháng 3/2022 nhưng bà Ng còn nợ hụi đến nay. Bà Ng1 và bà A xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Ng trả cho bà L số tiền hụi là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hụi*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà L có làm chủ đây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 28/8/2020 (Âm lịch), gồm có 18 hụi viên, trong đó, bà Ng tham gia 01 phần. Ngày

28/3/2021 (Âm lịch) thì bà Ng hốt hụi được số tiền là 42.500.000 đồng, bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà Ng và có viết biên nhận ngày 11/5/2021. Sau khi hốt hụi, bà Ng chỉ đóng hụi chết được 01 lần là 3.000.000 đồng, khoảng 08 tháng sau bà Ng đưa thêm cho bà L số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Dây hụi đã mãn vào tháng 3/2022. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà Ng trả số tiền hụi là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà L có cung cấp 01 tờ giấy hụi (đánh máy vi tính) và 01 tờ biên nhận ngày 11/5/2021.

Tại Biên bản hòa giải cơ sở ngày 26/3/2023, bà Ng trình bày: *“Hụi đó 18 chân, tôi đã đóng 10 phần, còn lại 8 phần là 24 triệu nhưng đã đóng 20 triệu, chỉ còn lại 4 triệu, còn lại 15 triệu là tiền vay. Tôi còn thiếu 15 triệu tiền vay và 4 triệu tiền hụi, tổng là 19 triệu. Khả năng trả 1 tháng 1 triệu, sau 4 tháng dứt tiền hụi, sẽ trả nợ vay 1 tháng 500.000 đồng nếu trên nữa tôi không có khả năng.”*

Tại phiên tòa, bà N đại diện cho bà L khẳng định số tiền 19.000.000 đồng là tiền nợ hụi, thực tế bà L không có cho bà Ng vay tiền. Nguyên đơn không đồng ý cho bà Ng được trả dần số tiền trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Ng thừa nhận có nợ bà L số tiền 19.000.000 đồng nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Ng cho rằng đã đóng hụi được 20.000.000 đồng, chỉ nợ tiền hụi là 4.000.000 đồng, còn tiền vay là 15.000.000 đồng nhưng bà Ng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có giao dịch vay tiền; phía nguyên đơn không thừa nhận có việc vay tiền như bà Ng trình bày. Ngoài ra, đối chiếu lời trình bày của nguyên đơn với biên nhận ngày 11/5/2021 và lời khai của bà Lê Thị Hồng Ng1, bà Huỳnh Thị C và bà Nguyễn Thị A thì có đủ cơ sở để xác định số tiền 19.000.000 đồng nêu trên là tiền nợ hụi.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L (có đại diện là bà N) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Ng phải chịu 5% án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (có đại diện là bà Huỳnh Thu N) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc bà Nguyễn Thị Ng trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Ng phải nộp số tiền 950.000 đồng (*Chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 475.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003955 ngày 07/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế